

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1433/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 26/9/2023  
V/v tranh chấp về thay đổi người  
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lê Thị Tý;
- Bà Bùi Diệu Huệ.

*Thư ký phiên tòa:* bà Lương Châu Nguyệt Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân  
quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh:*  
bà Lê Thị Tĩnh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3  
năm 2022 về “tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”  
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 438/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01  
tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2023/QĐST-HNGĐ  
ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà N.T.T.T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ thường trú: Phường A, quận B, thành phố C

Địa chỉ tạm trú: Phường X, quận Y, thành phố Z .

Bà N.T.T.T có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông L.H.N, sinh năm: 1981.

Địa chỉ tạm trú: Phường K, quận M, thành phố L.

Địa chỉ liên lạc: Phường K, quận M, thành phố L.

Ông L.H.N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2022 của bà N.T.T.T và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

*Nguyên đơn bà N.T.T.T trình bày:* bà và ông L.H.N ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1007/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quyết định ly hôn thỏa thuận giao con tên L.H.K, sinh ngày 31/10/2012 cho ông L.H.N trực tiếp nuôi dưỡng và Bà T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Trong quá trình nuôi con, do ông L.H.N đã nhiều lần cản trở, gây khó khăn cho Bà T trong việc chăm sóc, thăm nom trẻ K. Ông N không chăm sóc trẻ K chu đáo như để trẻ K ở nhà một mình nhiều giờ đồng hồ vào ban đêm. Khi trẻ K bị bệnh thì ông N không đưa con đi khám bệnh kịp thời. Ông N nhiều lần gửi con cho bạn của ông N trông giữ con. Khi thời điểm dịch Covid 19 bùng phát ông N không chăm sóc con nữa mà giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Từ ngày 11 tháng 8 năm 2021 đến nay trẻ K thực tế sống cùng bà tại nhà ông bà Ngoại tại địa chỉ Phường X, quận Y, thành phố Z . Bà T xác nhận bà có đủ điều kiện nuôi con, chăm sóc con tốt hơn ông L.H.N. Bà làm việc tại Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H , tổng thu nhập mỗi tháng của bà khoảng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Hiện nay bà đang sống chung với gia đình nhà bà, có ông bà ngoại cùng chăm sóc cho trẻ K. Trẻ K sống với mẹ phát triển tốt về thể lực và trí lực, được đi học và chăm sóc đầy đủ. Đồng thời, trẻ K cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ.

Mặc khác, từ khi trẻ K về sống cùng bà cho đến nay, ông L.H.N vẫn được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị cản trở. Trẻ K vẫn nhận được đầy đủ tình yêu thương của cả cha lẫn mẹ vẫn đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt.

Nay bà N.T.T.T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L.H.K, sinh ngày 31/10/2012 và không yêu cầu ông L.H.N cấp dưỡng nuôi con.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, về thời hạn xét xử là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông N sau khi ly hôn, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1007/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, ông L.H.N là người trực tiếp nuôi con tên L.H.K, sinh ngày 31/10/2012. Tuy nhiên, theo lời trình bày của Bà T thì trong quá trình nuôi con ông N đã nhiều lần cản trở, gây khó khăn cho bà trong việc thăm nom, chăm sóc trẻ K. Ông N không chăm sóc trẻ K chu đáo như để trẻ K ở nhà một mình nhiều giờ đồng hồ vào ban đêm. Khi trẻ K bị bệnh thì ông N không đưa con đi khám bệnh kịp thời. Ông N nhiều lần gửi con cho bạn của ông N trông giữ con. Thời điểm dịch Covid 19 bùng phát, ông N không chăm sóc con nữa mà giao con lại cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, từ khi ông N được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn cho đến tháng 8 năm 2021, thì ông N đã có những hành vi cản trở, gây khó khăn cho Bà T trong việc thăm nom, chăm sóc trẻ K. Mặt khác, trẻ K còn rất nhỏ nhưng ông N để trẻ K ở nhà một mình. Ông N nhiều lần giao trẻ K cho bạn của ông N chăm sóc.

Về điều kiện nuôi con: Bà T có việc làm, có thu nhập, có điều kiện chăm sóc con. Từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay, Bà T là người trực tiếp nuôi trẻ K. Trẻ K đang sống ổn định cùng mẹ, trẻ K còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Trẻ K cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.T.T.T: giao trẻ L.H.K, sinh ngày 31/10/2012 cho bà N.T.T.T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L.H.N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà N.T.T.T có đơn khởi kiện yêu cầu giao con chung cho bà Trúc trực tiếp nuôi dưỡng, nên xác định đây là “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”. Bị đơn ông L.H.N, cư trú tại địa chỉ Phường K, quận M, thành phố L. Theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét đơn đề nghị về việc chuyển hồ sơ vụ án từ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh sang Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/11/2022 của ông L.H.N với lý do ông Ncho rằng ông đang làm việc tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, địa chỉ: số 418 đường Trần Phú, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy: tại thời điểm Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là ngày 03/3/2022, ông Ncó đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại quận Bình Tân (theo kết quả xác minh của Công an phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết theo đúng quy định của Bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự”*. Nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó yêu cầu của ông L.H.N là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bà N.T.T.T có đơn xin vắng mặt, ông L.H.N vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trúc, ông N là phù hợp.

[4] Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L.H.N đến Tòa án để hòa giải, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông N không đến tòa và cũng không cung cấp ý kiến cho tòa án. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.T.T.T: bà N.T.T.T yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ L.H.K, sinh ngày 31/10/2012 và không yêu cầu ông L.H.N cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Bà N.T.T.T và ông L.H.N có 01 (một) con chung tên L.H.K, sinh ngày 31/10/2012. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1007/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: thỏa thuận giao con tên L.H.K, sinh ngày 31/10/2012 cho ông L.H.N trực tiếp nuôi dưỡng và bà N.T.T.T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Ngày 17 tháng 02 năm 2022 bà N.T.T.T có đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Căn cứ theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau: *“Hiện nay, bà N.T.T.T là người trực tiếp nuôi con L.H.K, sinh ngày 31/10/2012. Ủy ban nhân dân Phường 5 cũng chưa tiếp nhận được thông tin nào liên quan đến việc bạo hành bé đến thời điểm này. Bà N.T.T.T vẫn tạo điều kiện cho ông L.H.N đến thăm bé”*.

Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau: *“Đến hết ngày 22/7/2022, Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A chưa nhận được yêu cầu hòa giải tranh chấp quyền nuôi con giữa bà N.T.T.T và ông L.H.N”*.

Căn cứ kết quả xác minh của Trường tiểu học Đoàn Kết có nội dung như sau: *“1. Hiện nay, trẻ L.H.K, sinh ngày: 31/10/2012 đang học lớp 4/3 của Trường Tiểu Học Đoàn Kết năm học 2021-2022 này. Trẻ đi học đầy đủ và chuyên cần.*

*Về tinh thần, về thể chất của trẻ K rất bình thường và ổn định.*

*Kết quả học tập của trẻ K ổn định, trẻ K tiếp thu được kiến thức và vận dụng tốt, làm bài đầy đủ.*

*2 .Tới thời điểm hiện tại, ở trường Đoàn Kết, người trực tiếp nuôi con không có hành vi cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc trẻ K”*.

[5.2] Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và vừa là nghĩa vụ của cha mẹ. Khi giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện cụ thể, thực tế của từng người và phải quan tâm đến quyền lợi về mọi mặt của trẻ.

Sau khi ly hôn, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1007/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, ông L.H.N là người trực tiếp nuôi con tên L.H.K, sinh ngày 31/10/2012. Tuy nhiên, theo lời trình bày của Bà T thì trong quá trình nuôi con ông N đã nhiều lần cản trở, gây khó khăn cho bà trong việc thăm nom, chăm sóc trẻ K. Ông N không chăm sóc trẻ K chu đáo như

để trẻ K ở nhà một mình nhiều giờ đồng hồ vào ban đêm. Khi trẻ K bị bệnh thì ông Nkhông đưa con đi khám bệnh kịp thời. Ông Nnhiều lần gửi con cho bạn của ông Ntrông giữ con. Thời điểm dịch Covid 19 bùng phát, ông Nkhông chăm sóc con nữa mà giao con lại cho Bà Ttrực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy, từ khi ông Nđược quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn cho đến tháng 8 năm 2021, thì ông Nđã có những hành vi cản trở, gây khó khăn cho Bà Ttrong việc thăm nom, chăm sóc trẻ K là không đảm bảo theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc khác, trẻ K còn rất nhỏ nhưng ông Nđể trẻ K ở nhà một mình là rất nguy hiểm. Ông Nnhiều lần giao trẻ K cho bạn của ông Nchăm sóc, chứng tỏ ông Nkhông đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5.3] Về điều kiện nuôi con của Bà Tvà ông Nam, Hội đồng xét xử xét thấy: cả Bà Tvà ông Nđiều có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, Bà Tcó đủ điều kiện nuôi con hơn ông Nam, Bà Tcó việc làm, có thu nhập cao hơn ông Nam, có chỗ ở ổn định và có người thân phụ giúp Bà Ttrong việc chăm sóc con. Từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay, Bà Tlà người trực tiếp nuôi trẻ K. Trẻ K đang sống ổn định cùng mẹ, trẻ K còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ hơn cha. Hiện nay, trẻ K sống cùng Bà Tvẫn đảm bảo phát triển tốt mọi mặt về thể lực, trí lực. Đồng thời, trẻ K cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Chứng tỏ trẻ K không muốn ở với ba, vì đã quen với điều kiện và môi trường sống tại nhà của bà Trúc. Ngược lại, từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay, ông Nkhông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ K, ít nhiều ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt, tinh thần của con nên vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình: “...chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội”. Đây cũng là căn cứ để xác định ông L.H.N không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ các nhận định trên và vì quyền lợi của con cái cũng như xét đến sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao trẻ L.H.K, sinh ngày 31/10/2012 cho bà N.T.T.T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tkhông yêu cầu ông L.H.Ncấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị

của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của bà N.T.T.T được chấp nhận nên ông L.H.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà N.T.T.T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.T.T.T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao con chung tên L.H.K, sinh ngày 31/10/2012 cho bà N.T.T.T trực tiếp nuôi con.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà N.T.T.T về việc không yêu cầu ông L.H.N cấp dưỡng nuôi con.

Ông L.H.N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, bà N.T.T.T không được quyền cản trở. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên trực tiếp nuôi con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bên không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của trẻ L.H.K, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông L.H.N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N.T.T.T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033505 ngày

03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hiếu**